

Số: 57 /QB-UBQLV

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế Thi đua - Khen thưởng
của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp

CHỦ TỊCH ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 131/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Thi đua - Khen thưởng của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

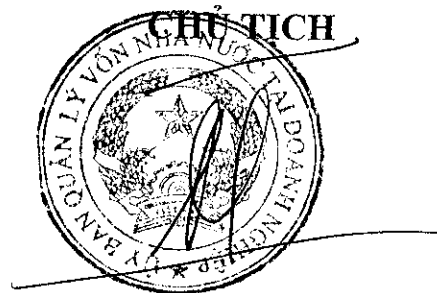
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban, Thủ trưởng các đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Ủy ban chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (đề b/c);
- Hội đồng TĐKT TW (đề b/c);
- Ban TĐKT TW;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban;
- Các đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Ủy ban;
- Công đoàn Ủy ban;
- Lưu: VT, TCCB.

H40



Nguyễn Hoàng Anh

QUY CHẾ

Thi đua - Khen thưởng của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 57 /QĐ-UBQLV ngày 27/02/2019
của Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây viết tắt là Ủy ban) bao gồm: đối tượng, phạm vi, nguyên tắc thi đua, khen thưởng; danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn xét tặng các danh hiệu thi đua; hình thức và tiêu chuẩn khen thưởng; trình tự, thẩm quyền và thủ tục đề nghị xét, tặng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng sáng kiến và quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người đại diện vốn, kiểm soát viên do Ủy ban cử thực hiện nhiệm vụ trực tiếp tại doanh nghiệp, người lao động trong biên chế và hợp đồng lao động có thời hạn trên 10 tháng đang làm việc tại các đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Ủy ban và các đơn vị cơ sở trực thuộc doanh nghiệp (sau đây viết tắt là cá nhân); các đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Ủy ban và đơn vị cơ sở trực thuộc doanh nghiệp (sau đây viết tắt là tập thể). Cá nhân và tập thể người nước ngoài đạt nhiều thành tích hoặc có công hiến, đóng góp tích cực và hiệu quả cho quá trình xây dựng và phát triển của Ủy ban và các doanh nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua:

Thi đua được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện, tự giác, công khai, đảm bảo tinh thần đoàn kết, hợp tác cùng phát triển. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua; mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua phải đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

2. Nguyên tắc khen thưởng:

Nguyên tắc khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng (sau đây viết tắt là Nghị định số 91/2017/NĐ-CP); Điều 2, 3 Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27

tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng (sau đây viết tắt là Thông tư số 08/2017/TT-BNV) và đảm bảo:

a) Đối với Thủ trưởng các đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Ủy ban và Thủ trưởng các đơn vị cơ sở trực thuộc, khi xét khen thưởng thường xuyên sẽ căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo;

b) Tập thể được xem xét, đề nghị từ danh hiệu tập thể Lao động xuất sắc trở lên và cá nhân được đề nghị xét, công nhận từ danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên phải được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo quy định về đánh giá và phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức, người lao động.

Điều 4. Hình thức, nội dung, trách nhiệm trong tổ chức thi đua

1. Hình thức tổ chức thi đua được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 08/2017/TT-BNV.

2. Nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo Điều 5 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Điều 5 Thông tư số 08/2017/TT-BNV.

3. Trách nhiệm trong triển khai tổ chức phong trào thi đua.

Trách nhiệm trong triển khai tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, cụ thể:

a) Chủ tịch Ủy ban phát động và chỉ đạo phong trào thi đua trên mọi lĩnh vực do Ủy ban quản lý. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban có trách nhiệm tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban các nội dung thi đua và tổ chức phong trào thi đua; căn cứ vào đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để có hình thức tổ chức phát động thi đua và đăng ký thi đua thường xuyên, theo đợt (chuyên đề) phù hợp; coi trọng việc tuyên truyền ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của từng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, đa dạng hoá các hình thức phát động thi đua; chống mọi biểu hiện phô trương, hình thức trong thi đua. Căn cứ thực tế, Chủ tịch Ủy ban xem xét quyết định Khối thi đua các doanh nghiệp theo lĩnh vực và ban hành quy định nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của Khối thi đua;

b) Thủ trưởng các đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Ủy ban phát động phong trào thi đua, tổ chức đăng ký thi đua và chỉ đạo phong trào thi đua trong đơn vị, doanh nghiệp do mình quản lý. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua, trên cơ sở đó xây dựng các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể để đăng ký thi đua. Việc xác định nội dung và chỉ tiêu thi đua phải khoa học, phù hợp với thực tiễn của từng đơn vị, doanh nghiệp và có tính khả thi cao;

Thủ trưởng đơn vị, doanh nghiệp các cấp chủ động phối hợp với đoàn thể cùng cấp tổ chức phát động, duy trì, đăng ký thi đua thường xuyên, theo đợt (chuyên đề), nhân rộng các phong trào thi đua và các điển hình tiên tiến trong đơn vị; chủ động thông tin tuyên truyền gương người tốt, việc tốt và các điển hình tiên tiến trên các phương tiện thông tin đại chúng;

Đối với các đợt thi đua dài ngày (thời gian từ 01 năm trở lên), các đơn vị, doanh nghiệp phải tổ chức sơ kết vào giữa đợt để rút kinh nghiệm. Kết thúc các đợt thi đua ngắn ngày (thời gian dưới 01 năm) hoặc từng đợt phải tiến hành sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả; lựa chọn công khai những cá nhân, tập thể tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng và chủ yếu thực hiện hình thức khen thưởng của cấp phát động thi đua;

Thủ trưởng đơn vị, doanh nghiệp các cấp phối hợp với đoàn thể cùng cấp chủ động phát hiện, lựa chọn cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng kịp thời; kiên quyết đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực trong công tác thi đua, khen thưởng.

4. Trách nhiệm của cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng thực hiện theo Điều 7 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Vụ Tổ chức cán bộ Ủy ban có trách nhiệm giúp việc cho Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và Chủ tịch Ủy ban thực hiện chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thực hiện thi đua; đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia các phong trào thi đua; chủ động phối hợp với Công đoàn Ủy ban và các tổ chức đoàn thể trong việc hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất, kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

Chương II

DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 5. Danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân:

- a) Lao động tiên tiến;
- b) Chiến sĩ thi đua cơ sở;
- c) Chiến sĩ thi đua Ủy ban;
- d) Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể:

- a) Tập thể Lao động tiên tiến;
- b) Tập thể Lao động xuất sắc;
- c) Cờ thi đua của Ủy ban;
- d) Cờ thi đua của Chính phủ.

Điều 6. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua”

1. Tiêu chuẩn danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Ủy ban, cấp toàn quốc phải có sáng kiến hoặc đề tài nghiên cứu khoa học đã được

công nhận, áp dụng hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng tương ứng với danh hiệu chiến sĩ thi đua được đề nghị.

3. Thời điểm xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp” được thực hiện cùng với năm được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” lần thứ ba.

4. Thời điểm xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm liền kề sau năm được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp” lần thứ hai.

Điều 7. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho cá nhân thực hiện theo Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc” thực hiện theo quy định tại Điều 27, 28 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003.

3. Chủ tịch Ủy ban xét và quyết định công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc” đối với các tập thể trực thuộc Ủy ban.

4. Chủ tịch Ủy ban ủy quyền cho Thủ trưởng các đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Ủy ban quy định đối tượng xét tặng và quyết định công nhận danh hiệu, “Tập thể lao động xuất sắc” cho các tập thể trực thuộc.

Điều 8. Danh hiệu “Cờ thi đua”

1. Cờ thi đua của Ủy ban

Cờ thi đua của Ủy ban xét tặng cho các tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 26 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003, cụ thể như sau:

a) Xét tặng cho các tập thể được bình chọn, suy tôn là đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, dẫn đầu thi đua thường xuyên hàng năm do Ủy ban tổ chức. Số lượng tập thể được đề nghị tặng Cờ thi đua của Ủy ban hàng năm căn cứ thực tế sẽ được Chủ tịch Ủy ban xem xét, quyết định;

b) Xét tặng cho các tập thể có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban phát động và phong trào thi đua do các đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Ủy ban phát động có thời gian từ 3 năm trở lên. Việc xét tặng cờ thi đua của Ủy ban thực hiện vào dịp sơ kết, tổng kết phong trào thi đua.

2. Cờ thi đua của Chính phủ

Cờ thi đua của Chính phủ xét tặng cho các tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 11 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 9. Hình thức khen thưởng

1. Huân chương.

2. Huy chương.

3. Danh hiệu vinh dự Nhà nước.
4. Giải thưởng cao quý.
5. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
6. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban.
7. Giải thưởng, danh hiệu khác:

a) Các giải thưởng hàng năm do các cơ quan, đơn vị được Nhà nước cho phép tổ chức xét tặng;

b) Giải thưởng tôn vinh tập thể, cá nhân trên các lĩnh vực hàng năm do Chủ tịch Ủy ban quyết định.

8. Kỷ niệm chương vì sự nghiệp phát triển Ủy ban.

9. Ngoài các hình thức khen thưởng được quy định trên, Chủ tịch Ủy ban, Thủ trưởng các đơn vị, doanh nghiệp có thể xem xét thực hiện các hình thức tôn vinh khác nhằm động viên phù hợp đối với tập thể, cá nhân và kịp thời nêu gương tốt trong lao động, sản xuất, công tác và động viên phong trào thi đua, phù hợp với các nguyên tắc chung.

Điều 10. Khen thưởng cấp Nhà nước

Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo quy định tại Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 11. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban

“Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban” để tặng cho tập thể và cá nhân gương mẫu, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 08/2017/TT-BNV, cCụ thể như sau:

1. Khen thưởng theo thành tích và công trạng

a) Cá nhân: đạt tiêu chuẩn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP. Đối với công nhân, người lao động có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;

b) Tập thể: đạt tiêu chuẩn quy định tại điểm c khoản 2 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Khen thưởng theo đợt (chuyên đề)

Cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc tiêu biểu sau khi kết thúc các phong trào thi đua do Chủ tịch Ủy ban, Thủ trưởng các đơn vị, doanh nghiệp phát động hoặc hưởng ứng phong trào thi đua do cấp trên phát động.

3. Khen thưởng thành tích đặc biệt xuất sắc, đột xuất

Thành tích đặc biệt xuất sắc theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 08/2017/TT-BNV.

Thành tích xuất sắc đột xuất là thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân phải đảm nhận.

4. Căn cứ vào dịp kỷ niệm ngày lễ lớn của đất nước, ngày thành lập, ngày truyền thống (năm chẵn, năm tròn), tập thể và cá nhân có nhiều thành tích, có quá trình công tác, có nhiều cống hiến hoặc trước khi nghỉ chế độ hưu trí, Ủy ban, các đơn vị, doanh nghiệp đề nghị khen thưởng phù hợp.

5. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích đóng góp sự phát triển của đơn vị, doanh nghiệp và Ủy ban.

6. Các trường hợp đặc biệt khác do Chủ tịch Ủy ban xem xét quyết định.

Điều 12. Giấy khen của Thủ trưởng đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Ủy ban

Giấy khen của Thủ trưởng đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Ủy ban thực hiện theo quy định tại khoản 42 Điều 1 Luật thi đua, khen thưởng năm 2013 và Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Chương III

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG, HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

Điều 13. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban do Chủ tịch Ủy ban quyết định thành lập.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Ủy ban;

b) Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng: Phó Chủ tịch Ủy ban phụ trách công tác thi đua, khen thưởng;

c) Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng: Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

d) Phó Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Công đoàn Ủy ban;

đ) Thành viên Hội đồng: Chánh Văn phòng Ủy ban, Vụ trưởng Vụ Tổng hợp; Vụ trưởng Vụ Pháp chế, kiểm soát nội bộ;

e) Thành viên thường trực, thư ký Hội đồng: Cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng Vụ Tổ chức cán bộ Ủy ban.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Nghị định 91/2017/NĐ-CP; khoản 2 Điều 2 Thông tư số 08/2017/TT-BNV và được quy định chi tiết tại Quyết định thành lập Hội đồng.

4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban

Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, quyết định theo đa số. Tại các phiên họp Hội đồng phải có ít nhất 2/3 thành viên tham dự trở lên. Trường hợp vắng mặt phải báo cáo người chủ trì phiên họp, nếu được đồng ý thì cử người dự họp thay. Người đi họp thay được tham gia ý kiến và biểu quyết các nội dung thảo luận của Hội đồng. Người vắng mặt và người cử dự họp thay chịu trách nhiệm đối với những ý kiến tham gia và biểu quyết tại phiên họp Hội đồng.

Chủ tịch Hội đồng có thể mời đại diện đơn vị, doanh nghiệp liên quan tham dự phiên họp Hội đồng, người được mời họp được tham gia ý kiến nhưng không được biểu quyết.

5. Phương thức hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban

a) Tại các phiên họp, Hội đồng xem xét quyết định việc xét tặng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng bằng hình thức bỏ phiếu kín. Khi xét danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Ủy ban, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Anh hùng Lao động, Hội đồng phải họp và bỏ phiếu kín; tập thể, cá nhân được đề nghị xét tặng phải có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản). Đối với các nội dung khác thực hiện theo kết luận của người chủ trì phiên họp;

Trường hợp đột xuất, Hội đồng có thể họp bất thường do Chủ tịch Hội đồng triệu tập;

b) Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản: Trong trường hợp không thể tổ chức họp Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng quyết định việc xin ý kiến từng thành viên bằng văn bản;

c) Khen thưởng các tập thể, cá nhân liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc các đơn vị, cơ quan bộ, ban, ngành thì Hội đồng xem xét việc lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 14. Hội đồng sáng kiến Ủy ban

1. Hội đồng sáng kiến Ủy ban do Chủ tịch Ủy ban quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng.

2. Thành phần Hội đồng sáng kiến Ủy ban gồm:

a) Chủ tịch: Là 01 Phó Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban;

b) Phó Chủ tịch và các thành viên khác do Chủ tịch Ủy ban quyết định.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng

Xét, đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng cấp Ủy ban, cấp toàn quốc của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.

4. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng sáng kiến Ủy ban

Hội đồng sáng kiến Ủy ban làm việc theo chế độ tập thể, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Các phiên họp của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên chính thức có mặt mới được coi là họp lệ. Thành viên vắng mặt cử người dự họp thay phải báo cáo và được sự nhất trí của Chủ tịch Hội đồng; người họp thay được quyền tham gia ý kiến và bỏ phiếu tại phiên họp. Thành viên vắng mặt không cử người dự họp thay phải cho ý kiến bằng văn bản gửi thường trực Hội đồng để tổng hợp kết quả chung;

Tại các phiên họp, khi cần thiết Hội đồng có thể mời đại diện cơ quan, đơn vị chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến sáng kiến, đề tài.

5. Phương thức hoạt động của Hội đồng sáng kiến Ủy ban

Hội đồng tổ chức các phiên họp định kỳ, thống nhất quyết định bằng hình thức bỏ phiếu kín;

Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quyết định tổ chức phiên họp đột xuất;

Trường hợp không thể tiến hành họp Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng quyết định việc xin ý kiến từng thành viên bằng văn bản.

Điều 15. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban và Hội đồng sáng kiến Ủy ban

Vụ Tổ chức cán bộ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban, Hội đồng sáng kiến Ủy ban.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TUYÊN TRÌNH KHEN THƯỞNG, HỒ SƠ, TRÌNH TỰ XÉT DUYỆT VÀ TỔ CHỨC TRAO TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 16. Thẩm quyền quyết định

1. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban:

a) Xét trình Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc và đề nghị Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương/Huy chương các loại, danh hiệu vinh dự Nhà nước và các khen thưởng khác theo quy định.

b) Quyết định tặng thưởng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cho các đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Ủy ban; tặng Cờ thi đua của Ủy ban, danh hiệu Chiến sỹ thi đua Ủy ban, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban, Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Ủy ban.

c) Quyết định các danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến” và hình thức khen thưởng “Giấy khen” cho các tập thể, cá nhân (thuộc các đơn vị khối cơ quan Văn phòng Ủy ban) trực thuộc Ủy ban không có con dấu, tài khoản riêng.

d. Hiệp y khen thưởng theo đề nghị của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

2. Thẩm quyền của Thủ trưởng các đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Ủy ban có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng quyết định tặng thưởng:

a) Danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

b) Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”;

c) Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”;

d) Hình thức khen thưởng “Giấy khen”.

Điều 17. Tuyên trình khen thưởng

Thực hiện theo Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và các quy định sau:

1. Cấp trên chỉ tổ chức xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng khi nhận được hồ sơ đề nghị khen thưởng của cấp dưới trực tiếp; không nhận và xét hồ sơ gửi vượt cấp.

2. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, quỹ lương thì cấp đó khen thưởng hoặc trình cấp trên xét khen thưởng.

Điều 18. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng gồm:

a) Tờ trình của Thủ trưởng đơn vị, doanh nghiệp (hoặc Trưởng khối thi đua);

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng (theo các mẫu từ số 01 đến số 09 phụ lục kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP).

Số lượng hồ sơ: 01 bản chính đối với đề nghị khen thưởng cấp Ủy ban; 03 bản chính đối với đề nghị khen thưởng Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sĩ thi đua toàn quốc; 04 bản chính đối với đề nghị khen thưởng Huân chương, Huy chương các loại, danh hiệu vinh dự Nhà nước;

d) Xác nhận thuế; xác nhận về việc thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động; báo cáo kết quả kiểm toán của cơ quan kiểm toán có thẩm quyền đối với đơn vị, doanh nghiệp, Thủ trưởng các đơn vị, doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước (Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc). Số năm xác nhận tương ứng với số năm đề nghị trong báo cáo thành tích xét khen thưởng.

2. Hồ sơ đề nghị Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban đối với một số trường hợp đặc biệt gồm Tờ trình và danh sách trích ngang tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng của Thường trực Hội đồng.

3. Hồ sơ đề nghị xét, công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp bộ, cấp toàn quốc của sáng kiến 01 bộ (bản chính), gồm:

a) Tờ trình của Thủ trưởng đơn vị;

b) Giấy chứng nhận sáng kiến (bản sao chụp);

c) Báo cáo kết quả ứng dụng của sáng kiến;

d) Giấy xác của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền công nhận ứng dụng của sáng kiến (nếu có).

Điều 19. Nơi nhận hồ sơ, thời gian nhận hồ sơ và thông báo kết quả

1. Nơi nhận hồ sơ

Các đơn vị, doanh nghiệp gửi trình hồ sơ khen thưởng trực tiếp hoặc qua bưu điện bằng văn bản về Ủy ban (qua Vụ Tổ chức cán bộ).

2. Thời gian nhận hồ sơ (tính theo dấu bưu điện hoặc phiếu xử lý công văn đến của Ủy ban)

a) Tập thể lao động xuất sắc, Cờ thi đua thường xuyên trước ngày 28/2 hàng năm;

b) Hồ sơ khen thưởng theo thành tích và công trạng trước ngày 30/4 hàng năm;

c) Hồ sơ đề nghị xét công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng cấp Ủy ban, cấp toàn quốc của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học nhận 2 đợt: đợt 1 trước ngày 31/01 hàng năm; đợt 2 trước ngày 15/8 hàng năm;

d) Các hình thức khen thưởng khác: không quy định thời gian.

3. Thông báo kết quả

a) Trong phạm vi 10 ngày làm việc kể từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định khen thưởng, Thường trực Hội đồng thông báo kết quả cho đơn vị trình khen thưởng;

b) Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng, Thường trực Hội đồng thông báo bằng văn bản cho đơn vị đề nghị khen thưởng trong phạm vi 10 ngày làm việc kể từ khi có kết luận của cấp có thẩm quyền.

Điều 20. Quy trình xét khen thưởng

1. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Ủy ban

a) Đối với danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Cờ thi đua của Ủy ban”, sau khi nhận đủ hồ sơ, Vụ Tổ chức cán bộ kiểm tra hồ sơ, thẩm định báo cáo thành tích, lấy ý kiến các đơn vị có liên quan, tổng hợp kết quả, hoàn thiện hồ sơ để thông qua Hội đồng xem xét trình Chủ tịch Ủy ban quyết định công nhận;

b) Đối với Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban, sau khi nhận đủ hồ sơ, Vụ Tổ chức cán bộ kiểm tra hồ sơ, thẩm định báo cáo thành tích, thông qua Hội đồng lấy ý kiến để trình Chủ tịch Ủy ban xem xét, quyết định;

c) Đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Ủy ban”, sau khi nhận đủ hồ sơ, Vụ Tổ chức cán bộ kiểm tra hồ sơ, thẩm định báo cáo thành tích, trình xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng tổ chức họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban; hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban xem xét, quyết định công nhận.

2. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp nhà nước

a) Sau khi nhận đủ hồ sơ, Vụ Tổ chức cán bộ kiểm tra hồ sơ, thẩm định thành tích, trình xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng trước khi báo cáo xin ý kiến Hội đồng; hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban để Chủ tịch Ủy ban trình cấp có thẩm quyền xét, quyết định khen thưởng;

b) Thường trực Hội đồng xin ý kiến Ban cán sự Đảng Ủy ban đối với hình thức khen thưởng cho cá nhân thuộc cấp ủy Đảng quản lý và các hình thức khen thưởng: “Huân chương Sao Vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập”, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” sau khi Hội đồng họp để có đủ cơ sở trình Chủ tịch Ủy Ban quyết định.

Điều 21. Tổ chức trao tặng

Việc trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua;

Sau khi nhận được các Quyết định khen thưởng cấp nhà nước, Thủ trưởng đơn vị lập kế hoạch tổ chức đón nhận, báo cáo Ủy ban và Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm phối hợp với đơn vị để tổ chức trao tặng.

Điều 22. Quản lý, lưu trữ hồ sơ thi đua, khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2011/TT-BNV ngày 03 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ thi đua, khen thưởng của tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của cấp mình; Vụ Tổ chức cán bộ lưu trữ hồ sơ thi đua, khen thưởng của Ủy ban;

2. Các đơn vị, doanh nghiệp có trách nhiệm đảm bảo điều kiện trang thiết bị, áp dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa quản lý công tác thi đua, khen thưởng, theo dõi, tổng hợp, nghiên cứu, tra cứu, xác nhận.

Chương V

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 23. Trách nhiệm và nguyên tắc trích lập quỹ thi đua, khen thưởng

1. Nguồn hình thành, mức trích và việc sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 64, Điều 65 và Điều 66 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Vụ Tổ chức cán bộ căn cứ kết quả thực hiện quỹ thi đua, khen thưởng năm trước; chỉ tiêu đăng ký danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng và dự kiến các khoản chi phục vụ công tác thi đua, khen thưởng năm kế hoạch đề xuất Văn phòng Ủy ban để lập dự toán quỹ thi đua, khen thưởng hàng năm của Ủy ban.

3. Văn phòng Ủy ban có trách nhiệm bố trí nguồn kinh phí hàng năm cho quỹ thi đua, khen thưởng của Ủy ban theo quy định.

4. Căn cứ quy định tại Điều 64, Điều 65 và Điều 66 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, các đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Ủy ban trích lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định.

5. Ủy ban khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Ủy ban hỗ trợ, đóng góp để bổ sung quỹ thi đua, khen thưởng của Ủy ban.

6. Nghiêm cấm việc sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng vào mục đích khác.

Điều 24. Quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng của Ủy ban

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của Ủy ban do Văn phòng Ủy ban quản lý và được dùng để chi:

a) Tổ chức chỉ đạo, triển khai các phong trào thi đua của Ủy ban:

- Tổ chức các cuộc họp Hội đồng của Ủy ban;

- Xây dựng, tổ chức phát động và triển khai các phong trào thi đua; các hoạt động của Khối thi đua;

- Chi công tác phí cho cán bộ đi công tác để thực hiện việc chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng;

- Tập huấn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng; tổ chức hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng điển hình tiên tiến.

b) Tiền thưởng hoặc hiện vật kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân (thuộc các đơn vị khối cơ quan Văn phòng Ủy ban) trực thuộc Ủy ban không có con dấu, tài khoản riêng. Trường hợp chi tiền thưởng cho các đối tượng khác kèm các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng sẽ do Chủ tịch Ủy ban xem xét, quyết định.

c) Chi cho in ấn, làm hiện vật khen thưởng (giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, kỷ niệm chương, huy hiệu, cờ thi đua, khung, hộp).

2. Mức tiền thưởng kèm danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73 và Điều 74 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, cụ thể:

a) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, cùng một đối tượng khen thưởng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất;

b) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua khác nhau thì nhận được tiền thưởng của các danh hiệu thi đua;

c) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng;

d) Trong cùng một hình thức, cùng một mức khen, mức tiền thưởng đối với tập thể cao hơn mức tiền thưởng đối với cá nhân.

Chương VI

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 25. Chế độ báo cáo

1. Các đơn vị, doanh nghiệp tổng kết, đánh giá công tác thi đua, khen thưởng trong năm và gửi báo cáo về Ủy ban (Vụ Tổ chức cán bộ).

2. Khi phát động thi đua và sau mỗi đợt thi đua, các đơn vị, doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức sơ kết, tổng kết và gửi báo cáo về Ủy ban (Vụ Tổ chức cán bộ).

3. Vụ Tổ chức cán bộ Ủy ban căn cứ báo cáo tổng kết, đánh giá công tác thi đua, khen thưởng của các đơn vị, doanh nghiệp có trách nhiệm tổng kết đánh

giá công tác thi đua, khen thưởng của Ủy ban để báo cáo định kỳ (đột xuất) cho các cấp có thẩm quyền.

Điều 26. Kiểm tra

1. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (Vụ Tổ chức cán bộ) Ủy ban có trách nhiệm kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi Ủy ban quản lý trước, trong và sau khi xét khen thưởng.

2. Thủ trưởng đơn vị, doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng tại các đơn vị do mình quản lý.

Điều 27. Xử lý vi phạm

1. Hành vi vi phạm của cá nhân hoặc tập thể trong hoạt động thi đua, khen thưởng gồm:

a) Tổ chức thi đua, khen thưởng trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước; lợi dụng thi đua, khen thưởng để vụ lợi;

b) Cản trở hoặc ép buộc tham gia các phong trào thi đua;

c) Kê khai gian dối, làm giả hồ sơ, xác nhận, đề nghị sai trong thi đua, khen thưởng;

d) Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để đề nghị, quyết định khen thưởng trái pháp luật;

đ) Lãng phí tài sản của Nhà nước, của tập thể trong thi đua, khen thưởng;

e) Cố tình che giấu hành vi vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước để đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng;

f) Dùng tiền, các lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác nhằm mua chuộc người, cơ quan có thẩm quyền khen thưởng để được khen thưởng;

g) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào công tác khen thưởng.

2. Người nào gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng thì bị huỷ bỏ quyết định khen thưởng và bị thu hồi hiện vật và tiền thưởng đã nhận; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà còn bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Cá nhân xác nhận sai sự thật hoặc làm giả hồ sơ, giấy tờ cho người khác để đề nghị khen thưởng; người lợi dụng chức vụ quyền hạn quyết định khen thưởng trái pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban và Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban (Vụ Tổ chức cán bộ) chịu trách nhiệm hướng dẫn, giám sát và kiểm tra việc triển khai thực hiện Quy chế này. Căn cứ tình hình thực tế hàng năm, Vụ Tổ chức cán bộ nghiên cứu, tham mưu chỉ đạo công tác thi đua, khen thưởng đối với các đơn vị, doanh nghiệp và tổ chức tập huấn nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng trong toàn Ủy ban.

2. Thủ trưởng và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các đơn vị, doanh nghiệp tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này, đồng thời ban hành quy chế nội bộ và các hướng dẫn phù hợp với quy định; xây dựng các chỉ tiêu thi đua cụ thể, khuyến khích lượng hoá các chỉ tiêu thành các thang bậc điểm để việc xét khen thưởng được chính xác, khách quan và phù hợp với tình hình hoạt động của đơn vị mình.

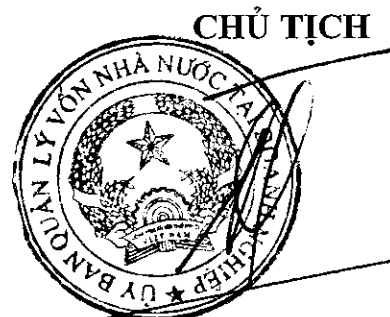
3. Các tập thể, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này, trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh những điểm chưa phù hợp, các cá nhân, tập thể phản ánh về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban (qua Vụ Tổ chức cán bộ) để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban xem xét, sửa đổi, bổ sung kịp thời.

4. Hàng năm, cơ quan chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp thuộc Ủy ban tham mưu cho Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra việc tổ chức phong trào thi đua và thực hiện chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này bao gồm 07 chương và 29 Điều có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Chủ tịch Ủy ban xem xét, quyết định theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban (Vụ Tổ chức cán bộ)/.



Nguyễn Hoàng Anh